

Số: 04/2023/QĐST – KDTM

Phổ Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 22/2022/TLST - KDTM Ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1,2,3 toà nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kháng, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quỳnh – Trưởng ban xử lý nợ

Người được uỷ quyền lại: Ông Vũ Đức Anh, ông Lê Đức Minh – Chuyên viên xử lý nợ

1.2. Bị đơn : Ông Nguyễn Đức L , sinh năm 1974;

Bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: TDP Tân Thành, phường Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả khoản tiền nợ: Ngân hàng TMCP A (đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức An) và ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N nhất trí thoả thuận như sau:

Ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/9/2023, là: **4,804,823,956** đồng (*Bốn tỷ tám trăm linh tư triệu tám trăm hai mươi ba ngàn chín trăm năm sáu đồng*), trong đó gốc là 2,566,657,945 đồng (*hai tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm bốn lăm đồng*), nợ lãi: 2,238,166,011đ (*hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm mười một đồng*) cho Ngân hàng TMCP An Bình .

2.2. Thời hạn và phương thức trả nợ: Ngân hàng TMCP A (đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức A) và ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N nhất trí thoả thuận phương thức trả nợ như sau:

Ông Nguyễn Đức L bà Nguyễn Thị N c có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền (*Bốn tỷ tám trăm linh tư triệu tám trăm hai mươi ba ngàn chín trăm năm sáu đồng*), trong đó gốc là 2,566,657,945 đồng (*hai tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm bốn lăm đồng*), nợ lãi: 2,238,166,011đ (*hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm mười một đồng*) cho Ngân hàng làm 06 kỳ trả nợ, tương ứng 06 tháng, vào ngày 30 hàng tháng (05 kỳ đầu thu toàn bộ tiền gốc, mỗi tháng 800.000.000đ, kỳ thứ 6 thu gốc + toàn bộ lãi phát sinh trong hạn, quá hạn). Cụ thể:

Kỳ 1: Vào ngày 30/10/2023 (dương lịch), trả 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng);

Kỳ 2: Vào ngày 30/11/2023 (dương lịch), trả 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng)

Kỳ 3: Vào ngày 30/12/2023 (dương lịch), trả 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng);

Kỳ 4: Vào ngày 30/01/2024 (dương lịch), trả 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng);

Kỳ 5: Vào ngày 29/02/2024 (dương lịch), trả 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng);

Kỳ 6: Vào ngày 30/03/2024 (dương lịch), trả số tiền gốc và lãi được tính đến ngày 20/9/2023 còn lại 804,823,906 (*tám trăm linh bốn triệu tám trăm hai mươi ba ngàn chín trăm linh sáu đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 20/9/2023 đến ngày tắt toán khoản vay.

2.3. Về lãi suất chậm trả:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ngày thoả thuận (21/9/2023), ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của toàn bộ số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP An Bình cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về việc duy trì hợp đồng thế chấp: Ngân hàng TMCP A (đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức A) và ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N nhất trí thỏa thuận:

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1780 (Chỉnh lý từ thửa 845 + 774), tờ bản đồ số 17 (107), diện tích: 240m². Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị. Vị trí đất tại TDP Tân Thành, phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Theo giấy chứng nhận QSD đất số BU 775743, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: 4746/QSD Đ.2341/QĐ-UB của UBND thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) cấp ngày 04/9/2015 mang tên ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N , theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 318, quyền số 01/TP –CC/SCC –HĐGD ký ngày 25/4/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1054, quyền số 03 TP –CC/SCC –HĐGD ký ngày 30/11/2016 tại Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh Thái Nguyên. Đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp ông L , bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP An Bình có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại Tài sản bảo đảm trên để xử lý, thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết gồm đất và tài sản trên đất được xử lý theo Điều 7 của Hợp đồng thế chấp. (Có sơ đồ đo đất kèm theo Quyết định).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ Ngân hàng TMCP An Bình còn thừa thì được trả lại cho ông L , bà N . Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho ngân hàng TMCP An Bình thì ông L , bà N còn phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

2.5. Về biện pháp bảo đảm thi hành khoản tiền nợ: Ngân hàng TMCP A (đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức A) và ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N nhất trí thỏa thuận:

Nếu đến kỳ hạn thanh toán như thỏa thuận trên, nếu ông L , bà N không trả được mà vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nào theo thỏa thuận trên thì ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên thi hành án toàn bộ khoản tiền vay mà không cần phải đợi đến kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

2.6. Về chi phí thẩm định tài sản và đo đất: Ngân hàng TMCP A (đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức A) và ông Nguyễn Đức L , bà Nguyễn Thị N nhất trí tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và đã chi phí xong.

2.7. Về án phí: Ngân hàng TMCP An Bình (đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức Anh) và ông Nguyễn Đức Long, bà Nguyễn Thị Ngọc nhất trí thỏa thuận: ông Long, bà Ngọc có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí là có giá ngạch là **56.800.000đ** (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng) (đã làm tròn số).

Trả lại Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí đã nộp **56.125.000đ** (Năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002458 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà